TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 360/2020/QĐST – HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 13 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cư hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình số: 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Diệu S,** sinh ngày 03/11/1994; Địa chỉ: K390/33 đường L, tổ 23, phường T, quận T, TP Đà Nẵng;

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Trung H**, sinh ngày 01/8/1993; Địa chỉ: Phòng 411, chung cư 1C, khu chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 04 tháng 11 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự bà Lê Thị Diệu S và ông Nguyễn Trung H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Diệu S và ông Nguyễn Trung H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị Diệu S và ông Nguyễn Trung H về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung tên Nguyễn Trung

Nguyên Đ, sinh ngày 28/9/2016 cho ông Nguyễn Trung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Diệu S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trung Nguyên Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày ông Nguyễn Trung H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị Diệu S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng bà Lê Thị Diệu S còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị Diệu S và ông Nguyễn Trung H xác định không có nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Bà Lê Thị Diệu S và ông Nguyễn Trung H xác định không có nên không xem xét.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Lê Thị Diệu S tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Sương đã nộp theo biên lai thu số 0001356 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Như vậy bà S đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H, quận C
(Số 88/2015 ngày 25/7/2015)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương